

DANH SÁCH THÍ SINH
Năm học 2025-2026. Học kỳ 1

Môn thi: **Tiếng Anh 1**

Hình thức thi: Trắc nghiệm + Tự luận trên máy Thời gian làm bài: 120 (phút)

Tổng số thí sinh: 40

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
1	100	CT090202	Trịnh Quang	An	6	8	6,6	2	14/04/2026	13h30. Lần 2	102.1-TA1	
2	101	AT210404	Đình Tuấn	Anh	8	8	8	2	14/04/2026	13h30. Lần 2	102.1-TA1	
3	102	CT090308	Đặng Thùy	Dung	7	9	7,6	2	14/04/2026	13h30. Lần 2	102.1-TA1	
4		AT200116	Nguyễn Minh	Dũng	8	7	7,7	2				Nợ HP
5		AT210217	Nguyễn Nhật	Duy	9	9	9	2				Nợ HP
6		CT050308	Bùi Thành	Đạt	6	7	6,3	2				Nợ HP
7		CT090312	Lê Mạnh	Đạt	6,5	7	6,7	2				Nợ HP
8		CT090311	Trịnh Đức	Đạt	6,5	8	7	2				Nợ HP
9		AT210308	Lê Hải	Đặng	7	7	7	2				Nợ HP
10	103	CT090209	Triệu Hải	Đặng	7	8	7,3	2	14/04/2026	13h30. Lần 2	102.1-TA1	
11	104	CT080112	Vũ Thành	Đông	8,5	8	8,4	2	14/04/2026	13h30. Lần 2	102.1-TA1	
12		CT090313	Bùi Minh	Đức	8	8	8	2				Nợ HP
13		AT210118	Phạm Việt	Hà	9	9	9	2				Nợ HP
14	105	AT210421	Cao Trọng	Hiếu	8	8	8	2	14/04/2026	13h30. Lần 2	102.1-TA1	
15	106	AT210122	Lâm Ngọc	Hoàng	7,5	9	8	2	14/04/2026	13h30. Lần 2	102.1-TA1	
16		DT080221	Trần Nhật	Hoàng	9	8	8,7	2				Nợ HP
17	107	DT080227	Đoàn Trọng	Huỳnh	8	8	8	2	14/04/2026	13h30. Lần 2	102.1-TA1	
18	108	AT200125	Tổng Ngọc	Hung	7	7	7	2	14/04/2026	13h30. Lần 2	102.1-TA1	
19		DT080331	Nguyễn Nhật	Minh	8	8	8	2				Nợ HP
20		AT210338	Đỗ Hoài	Nam	9	9	9	2				Nợ HP
21		DT080332	Nguyễn Minh	Nam	9	8,5	8,9	2				Nợ HP
22		AT210237	Nguyễn Văn Hoàng	Nam	9,5	9	9,4	2				Nợ HP
23	109	CT090234	Vương Khả	Nghĩa	5	8	5,9	2	14/04/2026	13h30. Lần 2	102.1-TA1	
24		CT090133	Nguyễn Trung	Nguyễn	8	8,5	8,2	2				Nợ HP
25	110	CT090333	Lương Quang	Nhật	8	8	8	2	14/04/2026	13h30. Lần 2	102.1-TA1	
26		AT210341	Hoàng Minh	Phúc	9	9	9	2				Nợ HP
27	111	AT190440	Vi Đức	Phương	6,5	7	6,7	2	14/04/2026	13h30. Lần 2	102.1-TA1	
28	112	AT210443	Hoàng Văn	Sáng	7	8	7,3	2	14/04/2026	13h30. Lần 2	102.1-TA1	
29	113	AT210245	Nguyễn Hồng	Son	7	8	7,3	2	14/04/2026	13h30. Lần 2	102.1-TA1	
30		AT210346	Nguyễn Văn	Tài	7,5	8	7,7	2				Nợ HP
31		AT210347	Nguyễn Văn	Thành	8	9	8,3	2				Nợ HP
32		AT210348	Đặng Hương	Thảo	7	8	7,3	2				Nợ HP
33		CT050247	Nguyễn Đức	Thịnh	7	7	7	2				Nợ HP
34	114	AT140144	Nguyễn Bá	Tiến	6	8	6,6	2	14/04/2026	13h30. Lần 2	102.1-TA1	
35		AT210350	Vũ Huyền	Trang	6,5	8	7	2				Nợ HP
36	115	DT080247	Ngô Văn	Trung	8	8,5	8,2	2	14/04/2026	13h30. Lần 2	102.1-TA1	
37		DT080347	Vũ Ngọc	Tú	8	8	8	2				Nợ HP
38	116	DT080350	Hoàng Công	Tuyền	8	8	8	2	14/04/2026	13h30. Lần 2	102.1-TA1	
39		AT210154	Lê Xuân	Tường	9	8	8,7	2				Nợ HP
40		DT080352	Trần Đình	Vũ	8	7	7,7	2				Nợ HP

Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2026

PHÒNG KT&ĐBCLĐT

DANH SÁCH THÍ SINH
Năm học 2025-2026. Học kỳ 1

Môn thi: **Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Hình thức thi: Trắc nghiệm

Thời gian làm bài: 45 (phút)

Tổng số thí sinh: 10

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
1		DT080305	Hoàng Mạnh	Chiến	8	7	7,7	2				Nợ HP
2	150	AT210510	Nông Tuấn	Đoàn	7	8	7,3	2	14/04/2026	13h30. Lần 2	102.1-TA1	
3	151	AT210220	Bùi Thu	Hằng	7,5	8	7,7	1	14/04/2026	13h30. Lần 2	102.1-TA1	
4		AT200227	Trần Nhật	Huy	7	5	6,4	2				Nợ HP
5	152	AT210134	Thái Thành	Long	8	9	8,3	2	14/04/2026	13h30. Lần 2	102.1-TA1	
6	153	AT210339	Bùi Thanh	Nhàn	7	8	7,3	2	14/04/2026	13h30. Lần 2	102.1-TA1	
7		AT210139	Đàm Văn	Phú	7	6	6,7	2				Nợ HP
8		AT210151	Hoàng Minh	Tú	7	7	7	2				Nợ HP
9	154	AT210551	Nông Tuấn	Tú	6,5	6	6,4	2	14/04/2026	13h30. Lần 2	102.1-TA1	
10	155	AT210556	Phạm Phú	Vinh	6	6	6	2	14/04/2026	13h30. Lần 2	102.1-TA1	

Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2026

PHÒNG KT&ĐBCLĐT

DANH SÁCH THÍ SINH
Năm học 2025-2026. Học kỳ 1

Môn thi: **Vật lý đại cương 2**

Hình thức thi: Trắc nghiệm

Thời gian làm bài: 60 (phút)

Tổng số thí sinh: 22

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
1	100	AT210503	Trịnh Quang Tuấn	Anh	6,5	4	5,8	2	14/04/2026	13h30. Lần 2	102.2-TA1	
2		AT210514	Phạm Văn	Dũng	4	7	4,9	2				Nợ HP
3	101	DT080110	Trần Hoàng	Dũng	5	6	5,3	2	14/04/2026	13h30. Lần 2	102.2-TA1	
4	102	AT210510	Nông Tuấn	Đoàn	9	8,5	8,9	2	14/04/2026	13h30. Lần 2	102.2-TA1	
5	103	AT190417	Đỗ Hoàng	Giáp	5,5	6	5,7	2	14/04/2026	13h30. Lần 2	102.2-TA1	
6	104	CT080224	Lã Nguyễn Huy	Hoàng	6,5	7	6,7	2	14/04/2026	13h30. Lần 2	102.2-TA1	
7	105	AT210223	Nguyễn Việt	Hùng	5,7	8	6,4	2	14/04/2026	13h30. Lần 2	102.2-TA1	
8	106	AT210425	Lê Hoàng	Huy	6,9	6	6,6	2	14/04/2026	13h30. Lần 2	102.2-TA1	
9	107	DT080227	Đoàn Trọng	Huỳnh	4,5	7	5,3	2	14/04/2026	13h30. Lần 2	102.2-TA1	
10	108	DT080224	Trương Văn	Hương	8,5	7	8,1	2	14/04/2026	13h30. Lần 2	102.2-TA1	
11	109	CT090228	Nguyễn Vũ	Kỳ	5	5	5	2	14/04/2026	13h30. Lần 2	102.2-TA1	
12		AT210434	Cao Văn	Long	5,7	7	6,1	2				Nợ HP
13	110	DT080230	Nguyễn Duy	Mạnh	5	7	5,6	2	14/04/2026	13h30. Lần 2	102.2-TA1	
14	111	AT210336	Nguyễn Công	Minh	6,5	8	7	2	14/04/2026	13h30. Lần 2	102.2-TA1	
15		AT210139	Đàm Văn	Phú	8,5	8	8,4	2				Nợ HP
16		AT210547	Nguyễn Thái	Thịnh	10	8	9,4	2				Nợ HP
17	112	AT210258	Bùi Hoàng	Triệu	5,8	6	5,9	2	14/04/2026	13h30. Lần 2	102.2-TA1	
18		AT210151	Hoàng Minh	Tú	7,5	8	7,7	2				Nợ HP
19	113	AT210551	Nông Tuấn	Tú	9,8	8	9,3	2	14/04/2026	13h30. Lần 2	102.2-TA1	
20	114	DT080149	Trần Ngọc	Tú	7,5	7	7,4	2	14/04/2026	13h30. Lần 2	102.2-TA1	
21	115	AT210154	Lê Xuân	Tường	9,5	8	9,1	2	14/04/2026	13h30. Lần 2	102.2-TA1	
22	116	AT210556	Phạm Phú	Vinh	5	6	5,3	2	14/04/2026	13h30. Lần 2	102.2-TA1	

Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2026

PHÒNG KT&ĐBCLĐT